

Bản án số: 40/2020/HS-ST
Ngày 24 tháng 11 năm 2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Hỷ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Bình.
2. Bà Hà Thị Hòa.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Tú - Thư ký của TAND huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 39/2020/TLST- HS ngày 15/10/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:39/2020/QĐXXST- HS ngày 10/11/2020 đối với bị cáo:

1.Trịnh Ngọc D - sinh ngày 14/8/1985 tại: Thị trấn LS, huyện TX, tỉnh Thanh Hoá; Trú tại: Thôn ĐK, thị trấn LS, huyện TX, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Văn T và bà Lê Thị N; Có vợ là: Triệu Thị H – sinh năm 1986 và 02 con nhỏ.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

Năm 2008 bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Năm 2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xử phạt 18 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; Năm 2015 bị Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 22 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 28/02/2017

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/7/2020. Bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Thường Xuân (Có mặt tại phiên tòa).

2. Người bị hại: Chị Trần Thị Th – sinh năm 1989(Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn XT, xã XD, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

3.Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Thiệu Đình T – sinh năm 1965(Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn V, xã BM, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ ngày 24/7/2020, Trịnh Ngọc D, sinh năm 1985 đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α màu xanh, biển kiểm soát 36K5 – 4336 từ nhà tại thôn ĐK, thị trấn LS, huyện TX đến Bệnh viện đa khoa huyện Thường Xuân tìm tài sản của bệnh nhân và người nhà bệnh nhân để trộm cắp. Khi đến cổng Bệnh viện D gửi xe mô tô vào nhà xe rồi đi vào khu vực khoa truyền nhiễm của Bệnh viện để trộm cắp tài sản, khi đến phòng bệnh số 04, thấy cửa chỉ khép hờ, Trịnh Ngọc D mở cửa quan sát trong phòng, qua ánh đèn mờ chiếu vào thấy bệnh nhân và người nhà bệnh nhân đều đã ngủ, quan sát thấy tại đầu giường ngủ của chị Trần Thị Th, sinh năm 1989 có 01 điện thoại nhãn hiệu REALME 5i màu xanh, Trịnh Ngọc D quay ra khu vực hành lang quan sát không thấy có ai nên quay vào phòng dùng tay đưa qua đầu chị Th để lấy điện thoại, rồi bỏ vào túi quần bên phải, đi ra nơi gửi xe lấy xe đi về. Trịnh Ngọc D điều khiển xe đến khu vực Nhà máy giấy Mục Sơn, huyện Thọ Xuân thì dừng lại lấy điện thoại ra kiểm tra thấy có 1.000.000đ để bên trong ốp sau của điện thoại, đồng thời tháo sim, tắt máy đem về nhà sử dụng.

Sau khi phát hiện tài sản bị mất, chị Trần Thị Th đã báo Công an xã Xuân Dương và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thường Xuân giải quyết. Sáng ngày 31/7/2020 Trịnh Ngọc D nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thường Xuân để đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng thời giao nộp chiếc điện thoại REALME 5i màu xanh lá và số tiền 1.000.000đ.

Ngày 03/8/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thường Xuân đã ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản số 29/CSĐT đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Thường Xuân để xác định giá trị của chiếc điện thoại REALME 5i màu xanh tại thời điểm mất trộm. Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 27/KL – ĐGTS ngày 04/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thường Xuân kết luận: Chiếc điện thoại REALME 5i màu xanh lá tại thời điểm mất trộm có giá trị là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 03/9/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thường Xuân ra Quyết định trưng cầu giám định số 96/CSĐT trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa giám định số tiền D trộm của chị Th là tiền thật hay tiền giả. Tại bản kết luận giám định số 2653/PC 09 ngày 28/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận số tiền 1.000.000đ gửi giám định là tiền thật.

Quá trình điều tra, Trịnh Ngọc D còn khai nhận với thủ đoạn như trên, vào khoảng 01 giờ ngày 11/6/2020, Dân cũng đến phòng bệnh số 04 của khoa truyền nhiễm, Bệnh viện đa khoa huyện Thường Xuân trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động OPPO A5S, màu xanh của anh Thiều Đình T, sinh năm 1965 trú tại thôn V, xã BM, huyện TX sau đó mang bán cho anh Đình Trọng Nghĩa, sinh năm 1987 ở thôn Minh Thành 2, xã Xuân Bái, huyện Thọ Xuân được số tiền 800.000đ, số tiền này D đã tiêu sài cá nhân hết.

Cơ quan điều tra đã điều tra xác minh nhưng không thu lại được chiếc điện thoại trên.

Ngày 13/8/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thường Xuân đã ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản số 30/CSĐT đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thường Xuân định giá trên hồ sơ đối với chiếc điện thoại OPPO A5S màu xanh tại thời điểm mất trộm. Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 29/KL – ĐGTS ngày 20/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thường Xuân kết luận: Chiếc điện thoại OPPO A5S màu xanh tại thời điểm mất trộm có giá trị là 1.050.000đ (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngày 26/9/2020 Trịnh Ngọc D đã nhờ mẹ đẻ là bà Lê Thị N bồi thường số tiền 1.600.000đ cho anh Thiệu Đình T, anh T đã nhận tiền và không yêu cầu D bồi thường gì thêm.

Đối với hành vi của Đinh Trọng Nghĩa mua lại chiếc điện thoại OPPO A5S từ Trịnh Ngọc D, quá trình điều tra không chứng minh được có việc mua bán, nên không có căn cứ xử lý với Đinh Trọng Nghĩa.

Đối với hành vi của Trịnh Ngọc D trộm cắp chiếc điện thoại OPPO A5S của anh Thiệu Đình T trị giá 1.050.000đ. Tài sản chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, mặt khác bị cáo D không có tiền án, tiền sự. Do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thường Xuân đã xử lý hành chính là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về vật chứng của vụ án:

- 01 chiếc điện thoại REALME 5i màu xanh lá và số tiền 1.000.000đồng, xác định là tài sản của chị Trần Thị Th, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu, chị Thủy không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- 01 chiếc xe mô tô NAKASEI, nhãn mác Honda Wave α màu xanh, biển kiểm soát 36K5 – 4336 đăng ký mang tên ông Nguyễn Hữu Thọ, sinh năm 1973, địa chỉ xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, cách đây khoảng 9 năm đã bán chiếc xe này cho anh Hồ Sỹ Tuyển, sinh năm 1971 ở cùng xã với số tiền 5.000.000đ. Năm 2015 anh Tuyển bán lại chiếc xe này cho Trịnh Ngọc D với số tiền 1.700.000đ, nhưng không lập giấy tờ mua bán xe, đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tiếp tục tạm giữ để xử lý.

Tại bản cáo trạng số 41/CT-VKSTX ngày 14/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Trịnh Ngọc D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với Trịnh Ngọc D về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo;

Xử phạt Trịnh Ngọc D mức án tù 09 đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 31/7/2020; Ngoài ra còn đề nghị HĐXX xử lý về xử lý vật chứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu phát mại sung vào ngân sách Nhà nước chiếc xe mô tô mà Trịnh Ngọc D dùng làm phương tiện phạm tội; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Buộc bị cáo Dân phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã

truy tố, lời luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa, trong phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX vào phòng nghị án:

Bị cáo rất hối hận về hành vi của bản thân, đề nghị HĐXX xem xét, cân nhắc cho bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật, xử phạt bị cáo ở mức hình phạt thấp nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm của bản thân, trở thành công dân có ích cho xã hội, sớm trở về đoàn tụ gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cơ quan điều tra, cơ quan truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trịnh Ngọc D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án; Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, lời luận tội của Kiểm sát viên, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, thể hiện: Khoảng 00 giờ ngày 24/7/2020, lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của bệnh nhân và người nhà bệnh nhân. Trịnh Ngọc D đã lén lút đi vào phòng bệnh số 04 khoa truyền nhiễm Bệnh viện đa khoa huyện Thường Xuân trộm cắp 01 điện thoại nhãn hiệu REALME 5i màu xanh lá trị giá 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) và số tiền 1.000.000đ của chị Trần Thị Th ở thôn XT, xã XD, huyện TX. Tổng số tiền bị cáo gây thiệt hại cho chị Th là 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Do đó cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố đối với bị cáo Trịnh Ngọc D là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của vụ án thì thấy:

Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Trịnh Ngọc D là nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ hành vi của bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của người khác, đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp, xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật Hình sự bảo vệ; gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, hành vi của bị cáo cần phải được xử lý đúng mức để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Bị cáo Trịnh Ngọc D là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi do mình đã gây ra.

[4] Xét nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thì thấy:

Về nhân thân: Bị cáo Trịnh Ngọc D có nhân thân xấu đã nhiều lần bị kết án về

các hành vi chiếm đoạt tài sản.

Về tình tiết tăng nặng TNHS: Không

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo; tự nguyện giao nộp tài sản trộm cắp khắc phục hậu quả; đầu thú về hành vi phạm tội. Vì vậy cần áp dụng điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy rõ sự khoan hồng của pháp luật.

Xét điều kiện kinh tế của bị cáo thì thấy bản thân bị cáo không có công ăn việc làm, thu nhập không có; điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, không có khả năng thi hành án. Do vậy không cần áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS.

[5] *Về đề nghị của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị áp dụng đối với bị cáo:* Về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, án phí và xử lý vật chứng mà đại diện Viện kiểm sát đã có ý kiến đề nghị. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, do đó đề nghị của đại diện Viện kiểm sát được HĐXX chấp nhận.

[6] *Về hình phạt:* Từ những căn cứ phân tích nêu trên cần áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS 2015. Xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất mức độ, hành vi của bị cáo gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo yên tâm cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[7] *Về trách nhiệm dân sự:* Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đề nghị bị cáo bồi thường gì thêm, nên HĐXX không xem xét.

[8] *Về xử lý vật chứng:* Chiếc xe mô tô NAKASEI, nhãn mác Honda Wave α màu xanh, biển kiểm soát 36K5 – 4336 là tài sản thuộc quyền sở hữu của D và là phương tiện dùng vào việc phạm tội; do đó cần tịch thu phát mại sung vào ngân sách Nhà nước.

[9] *Về án phí:* Buộc bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật; *Vì các lẽ trên.*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; Điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Ngọc D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt: **Trịnh Ngọc D 09**(Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 31/7/2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự. Tịch thu phát mại sung vào ngân sách nhà nước chiếc xe mô tô NAKASEI, biển kiểm soát 36K5 – 4336.

Vật chứng này có đặc điểm thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 19/10/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thường Xuân và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Xuân.

*Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 135, Điều 136, Điều 331,

333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Buộc bị cáo Trịnh Ngọc D phải nộp 200.000đ(Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt bị cáo; vắng mặt người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thường Xuân;
- Công an huyện Thường Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thường Xuân;
- Nhà tạm giữ CA huyện Thường Xuân;
- Sở Tư pháp Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Sỹ Hỷ

